

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/DS-ST

Ngày: 04 - 7 - 2019

“V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc San.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Phong.

2. Bà Nguyễn Thị Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2019, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2019/TLST- DS ngày 18 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2019/QĐST - DS ngày 31 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24//2019/QĐST- DS ngày 17 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Cao Thị Kim A (có mặt).

Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2. *Bị đơn:* Ông Hoàng A1.

Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện K, Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Hoàng H.

Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện K, Đắk Lắk.

(Giấy ủy quyền ngày 04/4/2019) – Ông H vắng mặt tại phiên tòa.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Hoàng H và bà Trần Thị H1.

Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện K, Đắk Lắk.

Bà H1 ủy quyền cho ông H tham gia tố tụng – Ông H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 12 tháng 02 năm 2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Cao Thị Kim A trình bày:

Năm 2017 bà có bán nợ vật liệu xây dựng cho gia đình ông Hoàng A1 và đã giao đủ hàng. Đến ngày 20/12/2017 thì tổng số tiền mua hàng mà gia đình ông Hoàng A1 nợ bà là 144.684.000đ (Một trăm bốn mươi bốn triệu sáu trăm tám mươi bốn ngàn đồng), gia đình ông A1 hẹn đến tháng 01/2018 sẽ trả, nếu quá hạn sẽ tính lãi suất là 1%/tháng. Tuy nhiên cho đến ngày 03/3/2018 thì gia đình ông A1 mới chỉ trả cho bà được 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), còn lại 94.684.000đ (Chín mươi tư triệu

sáu trăm tám mươi tư ngàn đồng) thì mặc dù bà đã yêu cầu nhiều lần nhưng gia đình ông A1 vẫn chưa trả cho bà.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hoàng A1 cùng con trai và con dâu là ông Hoàng H và bà Trần Thị H1 phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền nợ gốc 94.684.000đ (Chín mươi tư triệu sáu trăm tám mươi tư ngàn đồng) và tiền lãi tính đến ngày làm đơn khởi kiện (12/02/2019) là 2.000.000đ (Hai triệu đồng), đồng thời yêu cầu gia đình ông A1 phải chịu lãi suất đối với số nợ gốc kể từ ngày Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi trả xong nợ, mức lãi suất là 1%/tháng.

- Quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Ông Hoàng A1) và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (Bà Trần Thị H1), đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là ông Hoàng H trình bày:

Ông công nhận trước đây gia đình ông và bà Cao Thị Kim A có quan hệ mua bán vật liệu xây dựng với nhau. Mục đích gia đình ông mua vật liệu xây dựng là để dùng đúc trụ tiêu cho gia đình và cho khách hàng nhận đặt. Cuối năm 2017 sau khi tính toán thì gia đình ông còn nợ bà A số tiền là 144.684.000đ (Một trăm bốn mươi bốn triệu sáu trăm tám mươi bốn ngàn đồng). Ông là người trực tiếp mua hàng. Do chưa có khả năng trả tiền nên bố ông (Ông A1), ông và vợ (Bà H1) đã cùng ký cam kết đến tháng 01/2018 sẽ trả số tiền trên cho bà A, nếu quá hạn sẽ chịu lãi suất 1%/tháng. Tuy nhiên đến ngày 03/3/2018 thì gia đình ông mới chỉ trả cho bà A được 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), còn lại 94.684.000đ (Chín mươi tư triệu sáu trăm tám mươi tư ngàn đồng) và tiền lãi phát sinh thì mặc dù bà A đã yêu cầu nhiều lần nhưng gia đình ông vẫn chưa trả được, lý do là vì điều kiện khó khăn.

Ông công nhận hiện nay gia đình ông còn nợ bà A số tiền nợ gốc là 94.684.000đ (Chín mươi tư triệu sáu trăm tám mươi tư ngàn đồng) và tiền lãi phát sinh. Việc bà A khởi kiện gia đình ông là hoàn toàn đúng. Do điều kiện khó khăn nên nay ông đề nghị bà A cho gia hạn thêm thời gian trả nợ đến cuối năm 2019.

Tại phần tranh luận, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ và đúng các quy định của bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn tuân thủ nội quy phiên tòa và sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là ông Hoàng H, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ, HĐXX thấy rằng: Giữa bà Cao Thị Kim A và gia đình ông Hoàng A1 có thực hiện giao dịch mua bán tài sản. Do gia đình ông A1 không trả cho bà A số tiền mua hàng còn thiếu nên bà A khởi kiện ông A1 tại Tòa án. Vì vậy HĐXX xác định quan hệ pháp luật giữa bà A với ông A1 là tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Krông Năng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

- Về số lượng nợ và nghĩa vụ trả nợ: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay các đương sự đều thống nhất được nội dung: Vào năm 2017 gia đình ông Hoàng A1 đã mua hàng hóa của bà Cao Thị Kim A. Đến cuối năm 2017 số tiền mà gia đình ông A1 còn nợ bà A là 144.684.000đ, các bên thỏa thuận đến tháng 01/2018 gia đình ông A1 sẽ trả số tiền này. Tuy nhiên đến ngày 03/3/2018 thì gia đình A1 mới chỉ trả cho bà A được 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), còn lại 94.684.000đ tiền nợ gốc cho đến nay gia đình ông A1 vẫn chưa trả cho bà A. Như vậy HĐXX xác định tại thời điểm xét xử gia đình ông A1 còn nợ bà A số tiền nợ gốc là 94.684.000đ.

Khoản nợ này đã quá hạn thanh toán, vì vậy việc bà A khởi kiện yêu cầu ông A1 trả nợ là hoàn toàn có căn cứ. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn xin được gia hạn trả nợ đến cuối năm 2019. Tuy nhiên do phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết, ý kiến của bị đơn không được nguyên đơn chấp nhận. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần buộc bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía bị đơn phải trả cho bà A số tiền nợ gốc còn lại là 94.680.000đ.

- Về tiền lãi phát sinh: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thừa nhận khi chốt sổ đối với số nợ 144.684.000đ thì các bên có thỏa thuận nếu quá hạn trả nợ thì bên mua hàng phải chịu lãi suất 1%/tháng kể từ thời điểm quá hạn trả nợ cho đến khi thanh toán xong nợ. Như vậy, khoản nợ mà gia đình ông A1 còn nợ hai bên có thỏa thuận về lãi suất. Hiện nay bà A yêu cầu trả tiền lãi suất đối với khoản nợ gốc 94.684.000đ kể từ ngày quá hạn trả nợ (Tháng 01/2018) cho đến ngày bà A nộp đơn khởi kiện (12/02/2019) là 2.000.000đ và tính lãi 1%/tháng đối với khoản nợ gốc 94.684.000đ kể từ ngày Tòa án thụ lý vụ án (18/02/2019) cho đến khi trả xong nợ. HĐXX xét thấy mức lãi suất mà bà A yêu cầu là phù hợp với quy định của pháp luật, cần được chấp nhận. Số tiền lãi mà bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải chịu tính đến ngày xét xử cụ thể như sau:

+ Tiền lãi từ tháng 01/2018 đến ngày 12/02/2019: 2.000.000đ

+ Tiền lãi từ ngày 12/02/2019 đến ngày 04/7/2019: $94.684.000đ \times 1\%/tháng \times 04 tháng 22 ngày = 4.481.520đ$.

Tổng tiền lãi đến ngày xét xử: $2.000.000đ + 4.481.520đ = 6.481.520đ$

Từ những phân tích nêu trên, để đảm bảo quyền lợi cho bên bị vi phạm, HĐXX xét thấy cần áp dụng Điều 430, khoản 3 Điều 434 và khoản 1, khoản 3 Điều 440 của Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu của bà Cao Thị Kim A, buộc ông Hoàng A1, ông Hoàng H và bà Trần Thị H1 phải liên đới trả cho bà Cao Thị Kim A tổng số tiền là 101.165.520đ, trong đó: Nợ gốc là 94.684.000đ, tiền lãi đến ngày xét xử là 6.481.520đ. Đồng thời buộc ông A1, ông H và bà H1 phải chịu lãi suất tiếp theo đối với số nợ gốc với mức lãi 1%/tháng, kể từ ngày 05/7/2019 cho đến khi thanh toán xong nợ.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí: Ông A1, ông H và bà H1 là người có lỗi và phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền, nên phải liên đới chịu án phí theo quy định của pháp luật là 5% trên tổng số tiền phải thực hiện nghĩa vụ, số tiền án phí phải chịu là: $101.165.520đ \times 5\% = 5.058.276đ$.

Do yêu cầu khởi kiện của bà A được chấp nhận nên bà A được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 227, Điều 147 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 430, khoản 3 Điều 434 và khoản 1, khoản 3 Điều 440 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Kim A.

1. Buộc ông Hoàng A1, ông Hoàng H và bà Trần Thị H1 phải chịu trách nhiệm liên đới trả cho bà Cao Thị Kim A số tiền là 101.165.520đ (Một trăm lẻ một triệu một trăm sáu mươi lăm ngàn năm trăm hai mươi đồng), trong đó: Nợ gốc là 94.684.000đ (Chín mươi tư triệu sáu trăm tám mươi tư ngàn đồng), tiền lãi đến ngày xét xử là 6.481.520đ (Sáu triệu bốn trăm tám mươi một ngàn năm trăm hai mươi đồng), đồng thời tiếp tục phải chịu lãi suất 1%/tháng đối với số nợ gốc kể từ ngày 05/7/2019 cho đến khi thanh toán xong nợ.

2. Về án phí: ông Hoàng A1, ông Hoàng H và bà Trần Thị H1 phải liên đới nộp 5.058.276đ (Năm triệu không trăm năm mươi tám ngàn hai trăm bảy mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả cho bà Cao Thị Kim A số tiền 2.417.000đ (Hai triệu bốn trăm mười bảy ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng theo biên lai số AA/2017/0010492 ngày 14/02/2019.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 là ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện Krông Năng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Bùi Ngọc San